

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3206/TTr-SGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 01, 02; phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 02; Mục B; phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 02, 03; Mục 4; Phụ lục 1 công bố kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 01; Mục 4; Phụ lục 1 công bố kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 74, 94; Mục 4; Phụ lục 1 công bố kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 67; Mục 4; Phụ lục 1 công bố kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành của cấp tỉnh vào thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Mừng**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC  
ĐĂNG KIỂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH AN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**1. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới**

| Stt | Tên thủ tục hành chính                                                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).</li> <li>- Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu</li> </ul>                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm thực hiện:</li> <li>+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh An Giang (<a href="https://dichvucong.angiang.gov.vn">https://dichvucong.angiang.gov.vn</a>)</li> <li>- <b>Cơ quan thực hiện:</b> Sở Giao thông vận tải</li> </ul> | Không                | Thông tư số 46/2024/TTBGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy |
| 2   | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.</li> <li>- Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm thực hiện:</li> <li>+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh An Giang (<a href="https://dichvucong.angiang.gov.vn">https://dichvucong.angiang.gov.vn</a>)</li> <li>- <b>Cơ quan thực hiện:</b> Sở Giao thông vận tải</li> </ul> | Không                | Thông tư số 46/2024/TTBGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy |

| Stt | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------|
|     |                        | <p>chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:</p> <p>+ Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p>+ Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.</p> |                    |                      |                |

## 2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

| Stt | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                              | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                          | Lĩnh vực  | Cơ quan thực hiện     |
|-----|-----------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|
| 1   | 1.001322.H01          | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, | Đăng kiểm | Sở Giao thông vận tải |
| 2   | 1.001296.H01          | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |                       |

| Stt | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|-----------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------|-------------------|
|     |                       |                        | xe gắn máy                                    |          |                   |

### 3. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ

| STT | Mã thủ tục hành chính  | Tên thủ tục hành chính                | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Lĩnh vực  | Cơ quan thực hiện     |
|-----|------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|
| 1   | 1.001001.000.00.00.H01 | Thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới | Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Đăng kiểm | Sở Giao thông vận tải |